TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THIỆU HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày: 26 - 4 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Thịnh;
2. Bà Lê Thị Nhung.

- Thư ký phiên toà: Bà Phùng Thị Tố Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà*:** Bà Ngô Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 10/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Hưng A, sinh năm 1982; Tại: Th D, Thiệu Hóa, Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn K H, xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Kim L, sinh năm 1954 và bà Lê Thị C (đã chết); Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1985 (Đã ly hôn năm 2016); Con: có 01 con sinh năm 2011. Hiện không biết nơi ở của vợ và con.

Tiền sự: Không; Tiền án: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/02/2024 đến 09/02/2024 chuyển tạm giam đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Bà Lê Thị B, sinh năm 1968; (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn K H, xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 18 giờ 50 phút ngày 05/02/2024, Lê Hưng A, sinh năm 1982, cư trú tại thôn K H, xã Th D, huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá đi bộ từ nhà ở của mình đến nhà ông Trịnh Xuân G, sinh năm 1969 ở cùng thôn để chơi. Khi đi đến cổng nhà ông Giang, phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 36B8-751.94 của bà Lê Thị B,

sinh năm 1968 cùng ở thôn K H đang dựng trước trước cổng. Thấy Cốp xe mô tô không đóng khoá nên A mở cốp xe để xem thì thấy trong cốp có 01 túi xách màu đen bên trong túi có tiền. Lúc này, A đã nảy sinh lòng tham nên đã lấy túi xách cùng tiền mang về nhà. Về tới nhà, A mở túi xách kiểm tra có 14.000.000 (Mười bốn triệu đồng), ngoài ra không có tài sản nào khác. Sau đó A cất giấu túi và tiền ở dưới đệm giường ngủ. Trước sự truy xét của cơ điều tra, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ngày 06/02/2024 Lê Hưng A đã đến đầu thú tại Công an xã Th D, huyện Thiệu Hóa và giao nộp túi xách màu đen cùng số tiền 14.000.000 đồng. Công an xã Th D đã chuyển toàn bộ vụ việc và đối tượng đầu thú đến Công an huyện Thiệu Hoá để điều tra theo thẩm quyền. (BL01- 03; 46-53).

Về phần dân sự: Lê Hưng A đã giao nộp lại số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) đã trộm được cho Công an, bà B đã nhận lại đủ số tiền và không có yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Lê Hưng A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ của vụ án.

Tại bản cáo trạng số 17/CT-VKS - TH ngày 22/3/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Lê Hưng A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng: Khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt Lê Hưng A từ 7 đến 10 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, không tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát về tội danh hình phạt và các vấn đề khác; Khi nói lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi, chứng cứ xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo Lê Hưng A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra

phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án ; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 18 giờ 50 phút ngày 05/02/2024, tại cổng nhà ông Trịnh Xuân G Thôn K H, xã Th D, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Lê Hưng A đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu là bà Lê Thị B trong việc không khóa cốp xe mô tô, không đóng khoá nên Liên mở cốp xe để xem thì thấy trong cốp có 01 túi xách màu đen bên trong túi có tiền. Lúc này, A đã nảy sinh lòng tham nên đã lấy túi xách cùng tiền mang về nhà, số tiền Liên trộm cắp số tiền 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng). Như vậy hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, xâm hại đến trật tự quản lý xã hội, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong một bộ phận quần chúng nhân dân. Vì vậy hành vi đó phải được xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe phòng ngừa chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã giao nộp số tiền bồi thường cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra Cơ quan Công an đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên theo báo cáo của Công an xã và trưởng thôn thì bị cáo sinh sống tại địa phương nhưng không có người thân bên cạnh, bị cáo thường xuyên lêu lổng không tu chí làm ăn, có tính hay trộm cắp vặt . Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"* do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy, bị cáo là lao động tự do, không nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Lê Hưng A đã giao nộp số tiền trộm cắp để bồi thường cho bị hại bà Lê Thị B. Người bị hại không yêu cầu gì thêm, việc thỏa thuận giữa các bên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8]. Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Hưng A phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

Xử phạt: Lê Hưng A 07 (Bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ (ngày 06/02/2024).

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 6, Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo Lê Hưng A phải chịu 200.000đ*(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thiệu Hóa;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**